TRƯỜNG ĐẠI HỌC KTCN

TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THỰC TẬP NĂM HỌC 2015 - 2016

Môn học: WSH412 - Thực tập chuyên ngành

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
1	412M01	K125520103104	Dương Hồng	Thịnh	17/11/94	K48KCK.01	CK
2	412M01	DTK1051010134	Nguyễn Đức	Sơn	18/02/92	K1 CN-CTM.	SP
3	412M01	DTK1151010013	Lưu Văn	Dũng	28/04/93	K48CCM.02	CK
4	412M01	DTK1051010861	Phan Văn	Thuần	6/6/1992	K47CCM.03	CK
5	412M01	DTK1051010199	Phạm Trắc	Kỳ	13/07/92	K46CĐT.01	CK
6	412M01	DTK1051010122	Hoàng Văn	Ly	7/9/1991	K46CCM.03	CK
7	412M01	DTK1051010730	Trần Văn	Chình	15/05/92	K47CCM.02	CK
8	412M01	DTK1051010587	Đàm Văn	Hùng	10/3/1992	K1 CN-CTM.	SP
9	412M01	DTK1051010290	Vũ Mạnh	Quân	7/12/1990	K46CCM.02	CK
10	412M01	DTK1151010199	Nguyễn Văn	Sơn	5/9/1993	K48CCM.01	CK
11	412M01	DTK1151010368	Phạm Văn	Thế	26/03/93	K47CCM.05	CK
12	412M01	DTK1151010446	Nguyễn Văn	Hùng	5/3/1993	K48CLK.01	CK
13	412M01	DTK1151010493	Nguyễn Quốc	Công	23/10/93	K47KCK.01	CK
14	412M01	DTK1151010714	Nguyễn Đình	Mạnh	19/05/93	K47KCK.01	CK
15	412M01	DTK1151010006	Nguyễn Tuấn	Anh	10/2/1993	K47CCM.04	CK
16	412M01	11110710209	Nguyễn Thường	Thắng	4/6/1988	K1 CN-CTM.	SP
17	412M01	DTK0951010754	Nguyễn Văn	Tuyên	27/04/91	K46CCM.07	CK
1	412M02	K125520103239	Lý Thị Việt	Hà	26/07/94	K48KCK.01	CK
2	412M02	DTK1151010019	Nguyễn Việt	Hùng	26/11/93	K48CCM.02	CK
3	412M02	DTK1151010632	Nông Hoàng	Nam	12/1/1993	K47KCK.01	CK
4	412M02	K125520103227	Nguyễn Minh	Tuấn	8/11/1994	K48KCK.01	CK
5	412M02	DTK1051010384	Phạm Đăng	Thụy	19/11/92	K47CCM.02	CK
6	412M02	DTK0951010900	Tạ Duy	Lương	15/02/90	K47CCM.02	CK
7	412M02	K125520103096	Trần Văn	Sâm	26/06/94	K48CCM.01	CK
8	412M02	DTK0951010544	Bùi Đình	Du	9/3/1990	K47CCM.04	CK
9	412M02	DTK1051010051	Hoàng Công	Quý	5/10/1992	K47CCM.02	CK
10	412M02	DTK0851010202	Phan Hoàng	Thành	14/02/88	K45CLK.01	CK
11	412M02	DTK0851010053	Nguyễn Viết	Thành	14/11/88	K1 CN-CTM.	SP
12	412M02	K125520103231	Nguyễn Văn	Phong	20/05/94	K48CCM.02	CK
13	412M02	K125520103046	Nguyễn Văn	Thịnh	2/11/1993	K48CCM.02	CK
14	412M02	K125520103040	Trần Xuân	Sơn	9/12/1994	K48CCM.02	CK
15	412M02	DTK1051010843	Đào Sỹ	Nhật	27/02/92	K47CCM.03	CK
1	412M03	K125520103108	Ngô Minh	Toàn	27/07/94	K48CCM.01	CK
2	412M03	K125520103112	Lê Mạnh	Tuấn	6/4/1994	K48CCM.01	CK
3	412M03	K125520103080	Nguyễn Huy	Hoàng	14/01/94	K48CCM.01	CK
4	412M03	K125520103177	Nguyễn Mạnh	Cường	30/06/94	K48CCM.02	CK
5	412M03	K125520103116	Hà Trường	Xuân	1/5/1993	K48CCM.02	CK
6	412M03	DTK1051010206	Nguyễn Đình	Ngọc	13/04/92	K47CCM.02	CK
7	412M03	DTK1151010291	Hoàng Mạnh	Hiển	31/01/93	K47CCM.05	CK
8	412M03	DTK1151010105	Phạm Văn	Tuấn	28/09/93	K47CCM.02	CK
9	412M03	DTK1151010144	Vũ Văn	Phương	6/11/1993	K47CCM.02	CK
10	412M03	DTK1151010199	Nguyễn Văn	Sơn	5/9/1993	K48CCM.01	CK
11	412M03	DTK1151010152	Dương Văn	Thiện	26/05/93	K47CCM.02	CK
12	412M03	DTK1151010344	Chu Văn	Hiệp	2/5/1993	K47CCM.05	CK

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
13	412M03	DTK1151010631	Nguyễn Quốc	Mạnh	6/4/1990	K47CCM.05	CK
14	412M03	DTK1151010511	Ân Văn	Quân	21/07/92	K47CCM.04	CK
15	412M03	DTK1151010648	Nguyễn Anh	Tuấn	29/03/90	K48CCM.02	CK
1	412SC01	DTK1051010743	Đinh Văn	Hân	2/11/1992	K47CCM.03	CK
2	412SC01	DTK0951010605	Nguyễn Duy	Vũ	3/8/1991	K46CCM.05	CK
3	412SC01	DTK0851010664	Phan Minh	Dũng	8/8/1990	K1 CN-CTM.	SP
4	412SC01	DTK1051010587	Đàm Văn	Hùng	10/3/1992	K1 CN-CTM.	SP
5	412SC01	DTK1151010033	Bùi Xuân	Nam	30/06/93	K47KCK.01	CK
6	412SC01	DTK1151010019	Nguyễn Việt	Hùng	26/11/93	K48CCM.02	CK
7	412SC01	DTK1151010344	Chu Văn	Hiệp	2/5/1993	K47CCM.05	CK
8	412SC01	DTK1151010446	Nguyễn Văn	Hùng	5/3/1993	K48CLK.01	CK
9	412SC01	DTK1051010051	Hoàng Công	Quý	5/10/1992	K47CCM.02	CK
10	412SC01	DTK0851010202	Phan Hoàng	Thành	14/02/88	K45CLK.01	CK
11	412SC01	DTK0851010053	Nguyễn Viết	Thành	14/11/88	K1 CN-CTM.	SP
12	412SC01	DTK1051010833	Đỗ Văn	Lập	21/08/92	K47CCM.01	CK
13	412SC01	K125520103231	Nguyễn Văn	Phong	20/05/94	K48CCM.02	CK
14	412SC01	DTK1051010843	Đào Sỹ	Nhật	27/02/92	K47CCM.03	CK
15	412SC01	DTK0951010405	Nguyễn Quốc	Huy	30/08/91	K48CCM.01	CK
1	412SC02	DTK1151010504	Trịnh Vũ	Hùng	14/03/93	K47CCM.05	CK
2	412SC02	DTK1151010239	Nguyễn Văn	Lợi	2/11/1992	K47CCM.05	CK
3	412SC02	DTK1151010322	Đỗ Tiến	Việt	29/02/91	K47CCM.01	CK
4	412SC02	DTK1151010291	Hoàng Mạnh	Hiển	31/01/93	K47CCM.05	CK
5	412SC02	DTK1151010127	Phạm Minh	Hải	17/04/93	K47CĐT.01	CK
6	412SC02	DTK1151010631	Nguyễn Quốc	Mạnh	6/4/1990	K47CCM.05	CK
7	412SC02	DTK1151010632	Nông Hoàng	Nam	12/1/1993	K47KCK.01	CK
8	412SC02	DTK1151010648	Nguyễn Anh	Tuấn	29/03/90	K48CCM.02	CK
9	412SC02	DTK1151010714	Nguyễn Đình	Mạnh	19/05/93	K47KCK.01	CK
10	412SC02	DTK1151010521	Đỗ Quang	Thành	17/12/93	K47CCM.04	CK
11	412SC02	DTK1151010006	Nguyễn Tuấn	Anh	10/2/1993	K47CCM.04	CK
12	412SC02	DTK1051010861	Phan Văn	Thuần	6/6/1992	K47CCM.03	CK
13	412SC02	K125520103177	Nguyễn Mạnh	Cường	30/06/94	K48CCM.02	CK
14	412SC02	K125520103060	Nguyễn Anh	Bằng	11/2/1994	K48CCM.02	CK
15	412SC02	K125520103104	Dương Hồng	Thịnh	17/11/94	K48KCK.01	CK
16	412SC02	11110710209	Nguyễn Thường	Thắng	4/6/1988	K1 CN-CTM.	SP
1	412SC03	K125520103100	Nguyễn Trung	Thành	13/07/94	K48KCK.01	CK
2	412SC03	DTK1051010165	Đinh Công	Bình	10/10/1992	K46CCM.02	CK
3	412SC03	DTK1051010721	Hoàng Văn	Xuân	29/02/92	K47KCK.01	CK
4	412SC03	DTK1051010290	Vũ Mạnh	Quân	7/12/1990	K46CCM.02	CK
5	412SC03	DTK1051020384	Phạm Văn	Tài	2/3/1991	K46KTĐ.01	KD
6	412SC03	DTK1051010730	Trần Văn	Chình	15/05/92	K47CCM.02	CK
7	412SC03	DTK1051010122	Hoàng Văn	Ly	7/9/1991	K46CCM.03	CK
8	412SC03	DTK1151010432	Nguyễn Văn	Bắc	4/10/1993	K47CCM.05	CK
9	412SC03	DTK1151010172	Lý Văn	Dũng	28/03/93	K48CCM.02	CK
10	412SC03	DTK1151010482	Trương Xuân	Trường	11/5/1993	K47CCM.05	CK
11	412SC03	DTK1151010368	Phạm Văn	Thế	26/03/93	K47CCM.05	CK
12	412SC03	DTK1151010262	Phạm Văn	Tú	22/12/93	K47CCM.03	CK
13	412SC03	DTK0951010764	Trần Hữu	Đức	18/05/91	K46CLK.01	CK
14	412SC03	DTK0951010900	Tạ Duy	Lương	15/02/90	K47CCM.02	CK
15	412SC03	K125520103227	Nguyễn Minh	Tuấn	8/11/1994	K48KCK.01	CK

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
1	412T01	K125520103104	Dương Hồng	Thịnh	17/11/94	K48KCK.01	CK
2	412T01	K125520103432	Lê Công	Tuấn	23/03/94	K48KCK.01	CK
3	412T01	DTK1151010013	Lưu Văn	Dũng	28/04/93	K48CCM.02	CK
4	412T01	DTK1151010119	Thân Văn	Dân	2/9/1993	K47CCM.03	CK
5	412T01	DTK1151010701	Hoàng Văn	Toản	25/03/93	K47CCM.03	CK
6	412T01	DTK1151010631	Nguyễn Quốc	Mạnh	6/4/1990	K47CCM.05	CK
7	412T01	DTK1151010511	Ân Văn	Quân	21/07/92	K47CCM.04	CK
8	412T01	DTK1151010099	Hoàng Văn	Tùng	15/05/93	K47CCM.01	CK
9	412T01	DTK1151010632	Nông Hoàng	Nam	12/1/1993	K47KCK.01	CK
10	412T01	DTK1151010648	Nguyễn Anh	Tuấn	29/03/90	K48CCM.02	CK
11	412T01	DTK1151010262	Phạm Văn	Tú	22/12/93	K47CCM.03	CK
12	412T01	DTK1051010384	Phạm Đăng	Thụy	19/11/92	K47CCM.02	CK
13	412T01	DTK1151010541	Trần Xuân	Vinh	8/9/1992	K47CCM.02	CK
1	412T02	DTK1151010712	Ngô Thị	Huế	5/3/1993	K47CĐT.01	CK
2	412T02	K125520103108	Ngô Minh	Toàn	27/07/94	K48CCM.01	CK
3	412T02	DTK1151010246	Đặng Đình	Phương	29/04/93	K47CCM.05	CK
4	412T02	DTK1151010219	Bùi Văn	Đạt	19/08/93	K47CCM.03	CK
5	412T02	K125520103112	Lê Mạnh	Tuấn	6/4/1994	K48CCM.01	CK
6	412T02	DTK1151010226	Nguyễn Văn	Bảo	27/08/93	K47CCM.01	CK
7	412T02	DTK1151010152	Dương Văn	Thiện	26/05/93	K47CCM.02	CK
8	412T02	DTK0851010664	Phan Minh	Dũng	8/8/1990	K1 CN-CTM.	SP
9	412T02	DTK1151010432	Nguyễn Văn	Bắc	4/10/1993	K47CCM.05	CK
10	412T02	DTK1051010587	Đàm Văn	Hùng	10/3/1992	K1 CN-CTM.	SP
11	412T02	DTK1151010662	Trần Đức	Chương	27/02/93	K47CCM.04	CK
12	412T02	DTK1151010033	Bùi Xuân	Nam	30/06/93	K47KCK.01	CK
13	412T02	DTK0951010430	Nguyễn Văn	Sáng	14/04/90	K46CCM.04	CK
14	412T02	DTK1051010290	Vũ Mạnh	Quân	7/12/1990	K46CCM.02	CK
15	412T02	K125520103146	Bùi Văn	Mạnh	30/10/94	K48CCM.02	CK
1	412T03	DTK1151010199	Nguyễn Văn	Sơn	5/9/1993	K48CCM.01	CK
2	412T03	DTK1151010493	Nguyễn Quốc	Công	23/10/93	K47KCK.01	CK
3	412T03	DTK1151010714	Nguyễn Đình	Mạnh	19/05/93	K47KCK.01	CK
4	412T03	DTK1151010006	Nguyễn Tuấn	Anh	10/2/1993	K47CCM.04	CK
5	412T03	DTK1151010521	Đỗ Quang	Thành	17/12/93	K47CCM.04	CK
6	412T03	DTK1051010745	Phạm Văn	Hải	15/08/92	K47CCM.02	CK
7	412T03	DTK1051010122	Hoàng Văn	Lỵ	7/9/1991	K46CCM.03	CK
8	412T03	DTK1051010730	Trần Văn	Chình	15/05/92	K47CCM.02	CK
9	412T03	DTK1051010051	Hoàng Công	Quý	5/10/1992	K47CCM.02	CK
10	412T03	DTK1051010833	Đỗ Văn	Lập	21/08/92	K47CCM.01	CK
11	412T03	DTK0851010053	Nguyễn Viết	Thành	14/11/88	K1 CN-CTM.	SP
12	412T03	DTK0851010202	Phan Hoàng	Thành	14/02/88	K45CLK.01	CK
13	412T03	DTK0951010754	Nguyễn Văn	Tuyên	27/04/91	K46CCM.07	CK
14	412T03	11110710209	Nguyễn Thường	Thắng	4/6/1988	K1 CN-CTM.	SP
1	412FB01	DTK1151010239	Nguyễn Văn	Lợi	2/11/1992	K47CCM.05	CK
2	412FB01	DTK1151010322	Đỗ Tiến	Việt	29/02/91	K47CCM.01	CK
3	412FB01	DTK1151010226	Nguyễn Văn	Bảo	27/08/93	K47CCM.01	CK
4	412FB01	DTK1151010432	Nguyễn Văn	Bắc	4/10/1993	K47CCM.05	CK
5	412FB01	DTK1151010662	Trần Đức	Chương	27/02/93	K47CCM.04	CK
6	412FB01	DTK1151010172	Lý Văn	Dũng	28/03/93	K48CCM.02	CK
7	412FB01	DTK1151010199	Nguyễn Văn	Sơn	5/9/1993	K48CCM.01	CK

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
8	412FB01	DTK1151010368	Phạm Văn	Thế	26/03/93	K47CCM.05	CK
9	412FB01	DTK1151010410	Đinh Cao	Nguyên	21/08/93	K47CCM.03	CK
10	412FB01	DTK1151010648	Nguyễn Anh	Tuấn	29/03/90	K48CCM.02	CK
11	412FB01	DTK1051010165	Đinh Công	Bình	10/10/1992	K46CCM.02	CK
12	412FB01	DTK1051010722	Bùi Tuấn	Anh	29/03/92	K47CCM.01	CK
13	412FB01	DTK1051010384	Phạm Đăng	Thụy	19/11/92	K47CCM.02	CK
14	412FB01	DTK0951010764	Trần Hữu	Đức	18/05/91	K46CLK.01	CK
15	412FB01	K125520103227	Nguyễn Minh	Tuấn	8/11/1994	K48KCK.01	CK
16	412FB01	11110710209	Nguyễn Thường	Thắng	4/6/1988	K1 CN-CTM.	SP
17	412FB01	DTK0951010754	Nguyễn Văn	Tuyên	27/04/91	K46CCM.07	CK
1	412FB02	K125520103239	Lý Thị Việt	Hà	26/07/94	K48KCK.01	CK
2	412FB02	DTK1051010861	Phan Văn	Thuần	6/6/1992	K47CCM.03	CK
3	412FB02	DTK1051010122	Hoàng Văn	Ly	7/9/1991	K46CCM.03	CK
4	412FB02	DTK1051010051	Hoàng Công	Quý	5/10/1992	K47CCM.02	CK
5	412FB02	DTK1051010802	Nguyễn Văn	Trà	9/11/1992	K47CCM.01	CK
6	412FB02	DTK1051010587	Đàm Văn	Hùng	10/3/1992	K1 CN-CTM.	SP
7	412FB02	DTK1051010833	Đỗ Văn	Lập	21/08/92	K47CCM.01	CK
8	412FB02	DTK1051010279	Vũ Trung	Kỳ	20/05/92	K47CCM.02	CK
9	412FB02	DTK1051010424	Nguyễn Văn	Hà	2/3/1992	K46CCM.04	CK
10	412FB02	DTK1151010006	Nguyễn Tuấn	Anh	10/2/1993	K47CCM.04	CK
11	412FB02	DTK1151010521	Đỗ Quang	Thành	17/12/93	K47CCM.04	CK
12	412FB02	DTK0851010202	Phan Hoàng	Thành	14/02/88	K45CLK.01	CK
13	412FB02	DTK0851010053	Nguyễn Viết	Thành	14/11/88	K1 CN-CTM.	SP
14	412FB02	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	16/03/91	K46CCM.02	CK
15	412FB02	DTK0951010754	Nguyễn Văn	Tuyên	27/04/91	K46CCM.07	CK
1	412FB03	DTK0851060119	Đỗ Thế	Anh	13/07/89	K1 CN-CTM.	SP
2	412FB03	DTK1151010105	Phạm Văn	Tuấn	28/09/93	K47CCM.02	CK
3	412FB03	DTK1151010398	Nguyễn Tiến	Huy	22/05/93	K47CCM.04	CK
4	412FB03	DTK1151010012	Nguyễn Minh	Chiến	4/5/1993	K47CCM.02	CK
5	412FB03	DTK1151010013	Lưu Văn	Dũng	28/04/93	K48CCM.02	CK
6	412FB03	DTK1151010355	Nguyễn Duy	Lực	2/6/1993	K47CCM.02	CK
7	412FB03	DTK1151010482	Trương Xuân	Trường	11/5/1993	K47CCM.05	CK
8	412FB03	DTK1151010344	Chu Văn	Hiệp	2/5/1993	K47CCM.05	CK
9	412FB03	DTK1151010631	Nguyễn Quốc	Mạnh	6/4/1990	K47CCM.05	CK
10	412FB03	DTK1151010511	Ân Văn	Quân	21/07/92	K47CCM.04	CK
11	412FB03	DTK1151010099	Hoàng Văn	Tùng	15/05/93	K47CCM.01	CK
12	412FB03	DTK1151010632	Nông Hoàng	Nam	12/1/1993	K47KCK.01	CK
13	412FB03	DTK1051010743	Đinh Văn	Hân	2/11/1992	K47CCM.03	CK
14	412FB03	DTK1051010185	Nguyễn Văn	Hải	9/5/1992	K47CCM.04	CK
15	412FB03	DTK0951010605	Nguyễn Duy	Vũ	3/8/1991	K46CCM.05	CK

Tổng số: 12 nhóm